

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/2013/TT-BCA

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ**Hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân***Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;**Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 17 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2003;**Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;**Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;**Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công an;**Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư hướng dẫn xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại và quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn việc tiếp nhận, phân loại và xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại; quản lý công tác giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm pháp luật về khiếu nại trong Công an nhân dân.

2. Việc giải quyết khiếu nại trong tố tụng hình sự và thi hành án hình sự không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, phân loại và xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh hoặc giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân.

2. Người khiếu nại, người bị khiếu nại; cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân.

Điều 3. Áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân được áp dụng theo Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại (sau đây viết gọn là Nghị định số 75/2012/NĐ-CP) và Thông tư này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Trường hợp luật khác có quy định khác về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thì áp dụng theo quy định của luật đó.

Chương II

TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI VÀ XỬ LÝ KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Điều 4. Tiếp nhận khiếu nại, kiến nghị, phản ánh

1. Khiếu nại, kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận từ các nguồn sau:

a) Do lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, cơ quan báo chí và các cơ quan khác chuyển đến theo quy định của pháp luật;

b) Do cá nhân, cơ quan, tổ chức đến cơ quan Công an để khiếu nại trực tiếp (sau đây gọi chung là người khiếu nại);

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính và các nguồn khác.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh hoặc văn bản ghi nội dung khiếu nại (sau đây gọi chung là đơn) từ các nguồn quy định tại Khoản 1 Điều này phải vào sổ và nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu trên máy tính để quản lý, theo dõi; phải đóng dấu “Đến” và ghi rõ ngày nhận đơn. Cán bộ xử lý hoặc người có thẩm quyền giải quyết có trách nhiệm bảo quản, không làm hư hỏng, thất lạc, không làm thay đổi hình thức và nội dung đơn.

Điều 5. Phân loại khiếu nại, kiến nghị, phản ánh

1. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Công an là việc người khiếu nại theo thủ tục do pháp luật về khiếu nại quy định, đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Khiếu nại quyết định kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, học viên, công nhân Công an (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ Công an)

là việc cán bộ, chiến sĩ Công an căn cứ vào quy định của Bộ Công an và thủ tục do pháp luật về khiếu nại quy định, đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định kỷ luật khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

3. Khiếu nại về chế độ chính sách, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, tuyển sinh, tuyển dụng, tiêu chuẩn chính trị, thi đua khen thưởng (sau đây gọi chung là khiếu nại về chế độ chính sách) là việc cán bộ, chiến sĩ Công an căn cứ vào quy định của Bộ Công an và thủ tục do pháp luật về khiếu nại quy định, đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định về chế độ chính sách khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, trái quy định của Bộ Công an, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự là việc người khiếu nại theo thủ tục quy định tại Chương XXXV Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Công an nhân dân khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

5. Khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền thi hành án hình sự là việc người chấp hành án hình sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo thủ tục quy định tại Mục 1 Chương XIII Luật Thi hành án hình sự năm 2010 đề nghị cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân xem xét lại quyết định, hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thi hành án hình sự khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

6. Kiến nghị, phản ánh là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng, đề xuất giải pháp với cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong Công an nhân dân về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật, công tác quản lý các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị Công an.

Điều 6. Xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an nhân dân

1. Xử lý đơn khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính:

a) Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì cán bộ xử lý đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp đó thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu khiếu nại thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì không thụ lý nhưng phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không thụ lý cho người khiếu nại biết;

b) Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp mình, nhưng thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân thì cán bộ xử lý căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 9 Thông tư này để đề xuất Thủ trưởng Công an cấp mình chuyển khiếu nại đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền xem xét, giải quyết và phải thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến; đồng thời thông báo việc chuyển đơn cho tổ chức Thanh tra Công an cùng cấp với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại để giúp Thủ trưởng cùng cấp theo dõi, quản lý kết quả giải quyết;

c) Trường hợp cơ quan, đơn vị Công an nhận được khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Công an cấp dưới trực tiếp, nhưng quá thời hạn theo quy định mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết, nếu đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Khiếu nại năm 2011 thì cán bộ xử lý đề xuất Thủ trưởng Công an nhận được khiếu nại thụ lý giải quyết; đồng thời thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến.

2. Xử lý đơn khiếu nại quyết định kỷ luật:

a) Khiếu nại quyết định kỷ luật của cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì cán bộ xử lý đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp đó thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại quyết định kỷ luật của cán bộ, chiến sĩ Công an nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp mình thì cán bộ xử lý căn cứ vào thẩm quyền quy định tại Điều 14 Thông tư này để đề xuất chuyển đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Xử lý đơn khiếu nại về chế độ chính sách:

Khiếu nại về chế độ chính sách của cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp nào thì chuyển đến cơ quan xây dựng lực lượng cấp đó để đề xuất xử lý, giải quyết theo thẩm quyền.

4. Xử lý đơn khiếu nại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng hình sự của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Công an nhân dân:

a) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự của điều tra viên, Phó Thủ trưởng, Thủ trưởng cơ quan điều tra xử lý theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

b) Khiếu nại bản kết luận điều tra của Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra thì chuyển đến Thủ trưởng cơ quan điều tra cùng cấp giải quyết. Trường hợp khiếu nại bản kết luận điều tra của Thủ trưởng cơ quan điều tra thì chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp giải quyết;

c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng hình sự của người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

d) Khiếu nại liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam thực hiện theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

5. Xử lý đơn khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thi hành án hình sự:

Khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thi hành án hình sự nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cấp mình thì cán bộ xử lý căn cứ vào thẩm quyền quy định tại Điều 152 Luật Thi hành án hình sự năm 2010 để đề xuất chuyển khiếu nại đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

6. Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh:

a) Kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại do cơ quan, đơn vị Công an nào đã hoặc đang giải quyết thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, trả lời người kiến nghị, phản ánh;

b) Kiến nghị, phản ánh khác thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị Công an nào thì chuyển đến cơ quan, đơn vị đó xem xét, giải quyết; nếu đã đồng gửi đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thì lưu đơn.

Điều 7. Xử lý đơn có nhiều nội dung thuộc nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết trong Công an nhân dân

Đơn có nhiều nội dung, liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc nhiều cấp có thẩm quyền giải quyết khác nhau trong Công an nhân dân, trong đó có nội dung khiếu nại thì cán bộ xử lý căn cứ thẩm quyền giải quyết khiếu nại quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP và Thông tư này đề xuất chuyển nội dung khiếu nại đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; các nội dung khác thì đề xuất chuyển đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an nhân dân

1. Khiếu nại, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an nhân dân thì cơ quan, đơn vị nhận đơn có văn bản hướng dẫn người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; nếu nhận được các giấy tờ, tài liệu là bản gốc thì cơ quan, đơn vị nhận đơn trả lại các giấy tờ, tài liệu đó cho người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh cùng văn bản hướng dẫn.

2. Khiếu nại, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an nhân dân nhưng do đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc các cơ quan báo chí, cơ quan khác chuyển đến thì cơ quan, đơn vị nhận được gửi trả lại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó biết.

3. Trường hợp nhận được khiếu nại, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an nhân dân mà đơn đó đã đồng gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; đơn không có chữ ký; đơn có chữ ký không trực tiếp; đơn trùng nội dung đã xử lý hoặc đã được hướng dẫn thì lưu đơn.

Chương III

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Mục 1

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH

Điều 9. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1. Trưởng Công an thị trấn trong biên chế Công an nhân dân, Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an phường (sau đây gọi chung là Trưởng Công an cấp phường) giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sĩ do mình quản lý trực tiếp.

2. Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Trưởng Công an cấp huyện) giải quyết:

a) Khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sĩ do mình quản lý trực tiếp, trừ khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà Trưởng Công an cấp phường đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn theo quy định nhưng chưa được giải quyết.

3. Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị tương đương cấp phòng thuộc Công an, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám thị trại giam; Hiệu trưởng trường giáo dưỡng; Giám đốc cơ sở giáo dục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sĩ do mình quản lý trực tiếp.

4. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ hoặc trực thuộc Tổng cục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và hành vi hành chính của cán bộ, chiến sĩ do mình quản lý trực tiếp.

5. Tổng cục trưởng, Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết:

a) Khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ, chiến sĩ do mình quản lý trực tiếp;

b) Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn theo quy định nhưng chưa được giải quyết.

6. Bộ trưởng giải quyết:

a) Khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình và của cán bộ không giữ chức vụ (nếu có) do mình quản lý trực tiếp;

b) Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn theo quy định nhưng chưa được giải quyết;

c) Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công an mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn theo quy định nhưng chưa được giải quyết.

Điều 10. Giải quyết khiếu nại

1. Giải quyết khiếu nại có nhiều nội dung:

a) Trường hợp đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo, nếu nội dung khiếu nại là chủ yếu thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh, kết luận theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; đồng thời phải xác minh, kết luận theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo nếu nội dung tố cáo thuộc thẩm quyền của mình. Nếu nội dung tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì chuyển nội dung tố cáo đến Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Trường hợp không xác định được nội dung nào là chủ yếu hoặc nội dung khiếu nại, tố cáo không liên quan đến nhau thì tách riêng nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo để giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương III Luật Khiếu nại năm 2011 và quy trình giải quyết khiếu nại của Bộ Công an.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 31 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011, không được dùng công văn, thông báo hay bất cứ hình thức khác để trả lời thay cho quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Gửi, công khai quyết định giải quyết khiếu nại:

a) Việc gửi quyết định giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 32 và Khoản 1 Điều 41 Luật Khiếu nại năm 2011;

b) Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 12 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP. Không thực hiện việc thông báo quyết định giải quyết khiếu nại trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, đơn vị đã giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại có nội dung thuộc các vấn đề về tiêu chuẩn chính trị, chế độ chính sách, danh mục bí mật Nhà nước hoặc quy định khác của Bộ Công an.

4. Việc giải quyết khiếu nại về chế độ chính sách thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính quy định tại Chương III Luật Khiếu nại năm 2011, Điều 3 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP và Mục 1 Chương III Thông tư này. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn và học viên có quyền khiếu nại về chế độ chính sách nhưng không được khởi kiện ra Tòa án hành chính.

Điều 11. Thành lập Hội đồng tư vấn

Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, nếu cần thiết, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai thành lập Hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại.

Thành phần Hội đồng tư vấn gồm người có chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung khiếu nại và những người khác mà người giải quyết khiếu nại thấy cần thiết. Ý kiến của Hội đồng tư vấn là một trong những căn cứ để Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai xem xét, kết luận nội dung khiếu nại.

Điều 12. Hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính

1. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau ba mươi ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau ba mươi ngày kể từ ngày ban hành. Đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

2. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.

Mục 2

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CỦA CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN

Điều 13. Quyền khiếu nại, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án hành chính

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, học viên các trường Công an có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật với cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong Công an nhân dân theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và Thông tư này nhưng không được khởi kiện ra Tòa án hành chính.

2. Công nhân Công an trong biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật theo quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức tại Chương IV Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 4 của Nghị định số 75/2012/NĐ-CP. Trường hợp công nhân Công an bị kỷ luật buộc thôi việc mà không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc hoặc hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai theo quy định tại Điều 50 Luật Khiếu nại năm 2011 mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

Điều 14. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

1. Đối với quyết định kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân:

a) Giám thị trại giam, Giám đốc cơ sở giáo dục, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng; Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng và Thủ trưởng đơn vị tương đương cấp phòng thuộc Công an, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do mình ban hành về kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn thuộc quyền quản lý trực tiếp;

b) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ hoặc trực thuộc Tổng cục giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do mình ban hành về kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn thuộc quyền quản lý trực tiếp;

c) Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do mình ban hành về việc kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn thuộc quyền quản lý trực tiếp; giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Trường Công an cấp huyện, Trường phòng và Thủ trưởng đơn vị tương đương cấp phòng thuộc Công an, Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại;

d) Tổng cục trưởng giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do mình ban hành về việc kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn thuộc quyền quản lý trực tiếp; giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại;

e) Bộ trưởng giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do mình ban hành về việc kỷ luật sĩ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp; giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

2. Đối với quyết định kỷ luật học viên:

a) Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do mình ban hành về việc kỷ luật học viên;

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

3. Đối với quyết định kỷ luật công nhân Công an:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền quản lý công nhân Công an theo phân cấp giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật do mình ban hành;

b) Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của Thủ trưởng quản lý công nhân Công an có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp còn khiếu nại tiếp.

Điều 15. Giải quyết khiếu nại

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu, khiếu nại lần hai đối với quyết định kỷ luật thực hiện theo quy định tại Chương IV Luật Khiếu nại năm 2011 và quy trình giải quyết khiếu nại của Bộ Công an.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại theo quy định tại Điều 53 và Khoản 3 Điều 55 Luật Khiếu nại năm 2011; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết khiếu nại và gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, cá nhân, đơn vị hữu quan theo quy

định tại Điều 54, Điều 56 Luật Khiếu nại năm 2011; không được dùng công văn, thông báo hay bất cứ hình thức khác để trả lời thay cho quyết định giải quyết khiếu nại.

Điều 16. Hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, học viên

1. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau ba mươi ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau ba mươi ngày kể từ ngày ban hành.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ KHIẾU NẠI

Điều 17. Trách nhiệm của Thủ trưởng Công an các cấp

1. Thủ trưởng Công an các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết và quản lý khiếu nại thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Bộ trưởng về chế độ chính sách, về kỷ luật sĩ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp nhưng còn khiếu nại, Bộ trưởng giao Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân giúp Bộ trưởng kiểm tra, xem xét lại.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết và quản lý khiếu nại

1. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh từ các nguồn chuyên đến; xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết lần hai đối với khiếu nại quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 5 Thông tư này, thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Công an cùng cấp;

b) Thống nhất quản lý đơn khiếu nại quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 5 Thông tư này, thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Công an cùng cấp;

c) Giúp Thủ trưởng Công an cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết và quản lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự và thi hành án hình sự có hiệu lực pháp luật của Thủ trưởng Công an cấp dưới;

d) Trường hợp phát hiện thấy hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức

thì kiến nghị Thủ trưởng Công an cùng cấp hoặc người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm;

đ) Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết đối với khiếu nại quy định tại Khoản 6 Điều 9, điểm e Khoản 1 Điều 14 Thông tư này, trừ khiếu nại lần đầu đối với quyết định do Bộ trưởng ban hành về chế độ chính sách, về kỷ luật sĩ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp.

2. Cơ quan xây dựng lực lượng các cấp trong Công an nhân dân có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh từ các nguồn chuyên đến; xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết đối với khiếu nại lần đầu về chế độ chính sách và quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Công an cùng cấp;

b) Phối hợp với cơ quan Thanh tra và các cơ quan chức năng khác xác minh, kết luận và thống nhất kiến nghị việc giải quyết đơn khiếu nại vừa có nội dung thuộc lĩnh vực công tác chuyên môn, vừa có nội dung liên quan đến công tác xây dựng lực lượng trong Công an nhân dân;

c) Đôn đốc việc xác minh, kết luận giải quyết đơn khiếu nại về quyết định kỷ luật và chế độ chính sách của Thủ trưởng Công an cấp dưới;

d) Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân giúp Bộ trưởng xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định do Bộ trưởng ban hành về chế độ chính sách, về kỷ luật sĩ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp.

3. Văn phòng Bộ Công an, Văn phòng Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại, kiến nghị, phản ánh từ các nguồn chuyên đến; căn cứ quy định tại Thông tư này để chuyển đơn đến cơ quan chức năng có trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết;

b) Tiếp nhận, phân loại, xử lý và chuyển đến Thủ trưởng Công an có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại phản ánh trên thông tin đại chúng; thông báo việc xử lý khiếu nại trên cho tổ chức Thanh tra, cơ quan Xây dựng lực lượng cùng cấp để thống nhất quản lý về công tác giải quyết khiếu nại và phục vụ công tác quản lý cán bộ.

4. Cơ quan điều tra các cấp trong Công an nhân dân có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết và quản lý khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự, trả lời người khiếu nại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại đến Thủ trưởng cùng cấp, đồng thời thông báo cho tổ chức Thanh tra cùng cấp để phối hợp quản lý.

5. Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự các cấp trong Công an nhân dân, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết và quản lý khiếu nại thuộc lĩnh vực thi hành án hình sự, trả lời người khiếu nại theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010; báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại đến Thủ trưởng cùng cấp, đồng thời thông báo cho tổ chức thanh tra cùng cấp để giúp Thủ trưởng theo dõi kết quả giải quyết.

Chương V

QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 19. Quản lý công tác giải quyết khiếu nại

1. Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Điều 63 Luật Khiếu nại năm 2011.

2. Thủ trưởng Công an các cấp chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cấp trên trực tiếp về việc quản lý công tác giải quyết khiếu nại trong phạm vi quản lý của mình.

3. Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại hành chính, khiếu nại kỷ luật và chế độ chính sách; giúp Bộ trưởng theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự và thi hành án hình sự trong toàn lực lượng Công an nhân dân.

4. Thanh tra Công an cấp huyện, Thanh tra Công an cấp tỉnh, Thanh tra các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ trưởng giúp Thủ trưởng cùng cấp thống nhất quản lý về công tác giải quyết khiếu nại hành chính, khiếu nại kỷ luật và chế độ chính sách ở đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý của Thủ trưởng; giúp Thủ trưởng theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự và thi hành án hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua tổ chức Thanh tra).

5. Các cơ quan điều tra trong Công an nhân dân giúp Thủ trưởng cùng cấp quản lý về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua tổ chức Thanh tra).

Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của lực lượng cảnh sát điều tra các cấp trong Công an nhân dân; cơ quan An ninh điều tra

Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của lực lượng an ninh điều tra các cấp trong Công an nhân dân; hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo Bộ trưởng (qua Thanh tra Bộ) về kết quả giải quyết khiếu nại.

6. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an giúp Thủ trưởng cùng cấp quản lý về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực thi hành án hình sự ở đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cùng cấp báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại lên Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (qua tổ chức Thanh tra).

Tổng cục Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp về công tác giải quyết khiếu nại thuộc lĩnh vực thi hành án hình sự trong lực lượng Công an nhân dân; hàng tháng, sáu tháng, một năm có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng (qua Thanh tra Bộ) về kết quả giải quyết khiếu nại.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hàng tháng về khiếu nại và giải quyết khiếu nại của các đơn vị trực thuộc Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Công an, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ trưởng cấp trên trực tiếp (gửi qua tổ chức Thanh tra cùng cấp) vào ngày 15 hàng tháng.

2. Báo cáo định kỳ hàng tháng về khiếu nại và giải quyết khiếu nại của Tổng cục, các đơn vị trực thuộc Bộ, Công an, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ trưởng (gửi qua Thanh tra Bộ) vào ngày 20 hàng tháng; báo cáo sáu tháng vào ngày 25 tháng 5 và báo cáo cuối năm vào ngày 25 tháng 11.

3. Báo cáo đột xuất phải gửi kịp thời theo yêu cầu.

Chương VI XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người giải quyết khiếu nại

Cán bộ, chiến sĩ Công an có hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 Luật Khiếu nại năm 2011 hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật hiện hành trong Công an nhân dân. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại đối với người khiếu nại và những người khác có liên quan

Cán bộ, chiến sĩ Công an và công dân có một trong các hành vi quy định tại các Khoản 5, 6, 7, 8 Điều 6 Luật Khiếu nại năm 2011 hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Bãi bỏ những quy định về giải quyết và quản lý khiếu nại tại Thông tư số 63/2010/TT-BCA-V24 ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn quản lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Công an nhân dân.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Công an, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thanh tra Bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này trong toàn lực lượng Công an nhân dân. Thanh tra Công an các cấp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này trong phạm vi đơn vị, địa phương mình.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Thanh tra Bộ) để hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG**Đại tướng Trần Đại Quang**